

Bản án số: **104/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 20-4-2021.  
V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*  
Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Ngọc Kiều D**, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 214T/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

\* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Địa chỉ: C28, tổ 8, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Kiều D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu H kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về cách nuôi dạy con cái nên cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn ai quan tâm lo

lãng cho nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm N, sinh ngày 30/8/2009. Hiện nay, cháu N do ông Hùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà đồng ý giao cháu N cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.***

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Kiều D; Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Diễm N, sinh ngày 30/8/2009, hiện do ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà D cũng đồng ý giao con chung cho ông H nuôi dưỡng. Do vậy, đề nghị Tòa án giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời, bà D không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Bà D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có, tuy nhiên do chưa lấy được lời khai của ông H nên đề nghị tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này ông H có yêu cầu.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Kiều D có đơn xin vắng mặt khi xét xử; ông Nguyễn Hữu H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D và ông H.

[2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Ngọc Kiều D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu H, có hộ khẩu thường trú: số C28, tổ 8, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng: Bà D và ông H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp. Bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly

hôn với ông H và giải quyết về con chung, đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua đơn xin ly hôn của bà D, tại bản tự khai và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giải cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông H là có thật, thể hiện ở việc cả hai đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Hiện tại ông H cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ với bà D điều này thể hiện qua việc ông H đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà D và ông H từ lâu đã không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Vì vậy căn cứ Điều 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D, giải quyết cho bà D được ly hôn ông H.

[5] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm N, sinh ngày 30/8/2009. Xét thấy, qua xác minh tại địa phương thể hiện cháu N hiện do ông H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, bà D cũng đồng ý giao cháu N cho ông H nuôi dưỡng và cũng nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu N cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc có yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con hay không nên tạm thời bà D chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà D trình bày để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có. Tuy nhiên, do chưa lấy được lời khai của ông H nên tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Kiều D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Kiều D được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm N, sinh ngày 30/8/2009 cho ông Nguyễn Hữu H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Ngọc Kiều D chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Kiều D phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001363 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Ngọc Kiều D và ông Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Diệp**